

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/KDTM-ST
Ngày 28-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Bùi Đức Khoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông PHm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 và ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TH mại cổ phần KL (viết tắt Ngân hàng KL); trụ sở: 40-42-44 PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh KG. Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Trọng Anh, địa chỉ: 87 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng – Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 1250/2022/QĐ-NHKL ngày 30/9/2022). Có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Văn D, nơi cư trú: Xóm 5, xã ST, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H, nơi cư trú: Số 33/212 LL, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H: Ông Nguyễn Văn D, nơi cư trú: Xóm 5, xã TS, huyện TN, thành phố Hải Phòng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27/4/2023). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Cao C, nơi cư trú: Thôn TL (trước là xóm AL), xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

+ Ông Lưu Văn K và bà Nguyễn Thị H, đều cư trú tại: Thôn ND 3, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức M, nơi cư trú: Số 42, Tổ 7, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng TH mại cổ phần KL do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H có ký Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011, Giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ HD2114.1 ngày 22/12/2011 với Ngân hàng TMCP KL vay số tiền 400.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 22/12/2011, lãi suất cho vay 2,0%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.

$\text{Lãi suất vay} = [\text{Số dư nợ vay} \times \text{lãi suất (tháng)} \times \text{số ngày vay thực tế}] : 30.$

Lãi suất tiền vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP KL tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ $\geq 0,84\%/tháng$. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và pH thức vay).

Trả gốc: cuối kỳ.

Lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Nếu ông D, bà H không trả tiền lãi vay đầy đủ và đúng hạn, Ngân hàng KL sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi bằng $0,1\%/ngày$ trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, tối thiểu 20.000 đồng. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ hợp đồng vay:

Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Honda Accord 2.4, sản xuất năm 2011; màu sơn: Nâu. Số khung: RKTCP2630BF010269; Số máy: K24Z24990267. Biển kiểm soát: 15A-031.19 do Công an thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 16/8/2011,

cấp ngày 17/8/2011 cho chủ sử dụng là ông Lưu Văn K được ủy quyền cho ông Nguyễn Cao C theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1871.2011/HĐUQ ngày 09/12/2011.

Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC.2011, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011.

Tại sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội, ngày 12/12/2011 đúng theo quy định pháp luật.

Thực hiện hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Sau khi được giải ngân ông D, bà H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền lãi và vốn gốc cho Ngân hàng KL theo như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm nhận nợ. Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với ông D, bà H là hợp đồng ngắn hạn, hàng tháng trả lãi, trả gốc cuối kỳ. Ngày đến hạn cuối cùng ông D, bà H phải trả gốc là 22/12/2012. Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H trả nợ lãi đến ngày 11/9/2012. Ông Nguyễn Văn D và bà PHm Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày **23/7/2012**. Tạm tính đến ngày 24/8/2023, ông D, bà H đã trả được cho Ngân hàng TMCP KL số tiền:

- Nợ gốc: 0 đồng.

- Lãi trong hạn: 55.160.000 đồng.

- Phí chậm trả: 617.646 đồng.

Tổng cộng: 55.777.646 đồng.

Ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP KL số tiền là:

- Nợ gốc: 400.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn: 35.801.333 đồng.

- Lãi quá hạn: 1.286.010.000 đồng.

- Phí chậm trả lãi: 142.155.345 đồng.

Tổng cộng: 1.863.966.678 đồng.

Khoản vay của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H thuộc trường hợp vay ngắn hạn (12 tháng), bắt đầu tính từ ngày giải ngân 22/12/2011 và kết thúc vào ngày 22/12/2012. Trong khoảng thời gian 12 tháng, Ngân hàng TH mại cổ phần KL đã điều chỉnh 03 lần lãi suất vay cho khách hàng, cụ thể:

- Từ ngày 22/3/2012 đến ngày 22/6/2012: Giảm từ mức lãi suất 24%/năm xuống 23,8%/năm (tương đương lãi suất gửi tiết kiệm là 13% theo thông báo số 75/TB-NHKL ngày 12/3/2012 của Ngân hàng TH mại cổ phần KL).

- Từ ngày 22/6/2012 đến ngày 22/9/2012: Giảm từ 23,8%/năm xuống 22,58%/năm (tương đương lãi suất gửi tiết kiệm là 12,5% theo Thông báo số 176/TB-NHKL ngày 14/6/2012 của Ngân hàng TH mại cổ phần KL).

- Từ ngày 22/9/2012 đến ngày 22/12/2012: Giảm từ 22,58%/năm xuống 19,8%/năm (do từ tháng 6 đến tháng 12/2012 lãi suất tiết kiệm không thay đổi, vẫn giữ nguyên mức 12,5%/năm tương đương với lãi suất tiền gửi sau khi cộng biên độ 0,84% vẫn bằng 22,58%/năm. Tuy nhiên với pH chậm làm lợi cho khách hàng nên đã áp dụng lãi suất của khoản vay trung, dài Hn là 19,8%/năm để tính lãi thay vì 22,5%/năm như kỳ điều chỉnh liên trước đó).

Việc điều chỉnh lãi suất tiền vay 03 tháng một lần là một thỏa thuận giữa các bên được quy định tại khoản 4 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H với Ngân hàng TMCP KL và thỏa thuận này có giá trị thực hiện kể từ khi ký kết cho đến thời điểm cuối cùng của hợp đồng (ngày 22/12/2012). Đến Hn kết thúc hợp đồng khách hàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ gốc, lãi của khoản vay để tắt toán hợp đồng. Ngày 23/12/2012, hợp đồng đã đến Hn phải tắt toán nhưng ông D, bà H không thực hiện nghĩa vụ, do đó Ngân hàng không tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh lãi suất tiền vay nữa mà chuyển lãi suất tiền vay thành lãi suất nợ quá Hn.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H và Ngân hàng TMCP KL thì: *“Lãi suất nợ quá Hn = 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá Hn”*.

Kể từ ngày 23/7/2012, ông D bà H đã vi pHm nghĩa vụ, không thanh toán lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng KL. Theo thỏa thuận ông D và bà H sẽ phải chịu lãi suất nợ quá Hn ngay từ thời điểm quá Hn là 23/7/2012 với mức lãi suất cho vay tại thời điểm đó là $22,58\%/năm \times 150\% = 33,87\%$. Tuy nhiên, để hỗ trợ lợi ích của khách hàng, Ngân hàng chỉ tính lãi nợ quá Hn cho khách hàng tại thời điểm kết thúc hợp đồng tín dụng (từ ngày 23/12/2012) và có mức lãi suất thấp nhất là 19,8%/năm. Do đó, ông D, bà H phải chịu mức lãi suất nợ quá Hn là $19,8\%/năm \times 150\% = 29,7\%/năm$.

Tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC.2011, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 quy định: *“Tổng số tiền thu từ xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ chi phí xử lý, sẽ dùng để trả*

nợ cho bên nhận thế chấp. Nếu còn dư bên nhận thế chấp sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu chưa đủ để trả nợ cho bên nhận thế chấp thì bên thế chấp vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho bên nhận thế chấp”.

Tuy nhiên, Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số HD2111/HĐNT ngày 09/12/2011 có thể hiện: “Nếu tiền bán tài sản lớn hơn nợ (gốc và lãi) phải trả cho Bên B/Bên nhận thế chấp thì phần chênh lệch thừa sẽ trả lại cho Bên A/Bên thế chấp. Nếu chênh lệch thiếu thì Bên A/Bên thế chấp có trách nhiệm trả nợ cho Bên B tiếp cho đến hết gốc, lãi và các chi phí khác (nếu có)”. Hợp đồng tín dụng nguyên tắc xác định Bên A là bên vay vốn, Bên B là Ngân hàng TH mại cổ phần KL, Bên thế chấp tài là Bên C. Tại Hợp đồng này có sự nhầm lẫn, theo hợp đồng ghi “Bên A/Bên thế chấp” là không đúng, phải là “Bên A/Bên vay vốn”.

Cả hai hợp đồng đều được ký giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Cao C với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Hải Phòng và bên vay vốn là ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H. Hợp đồng thế chấp được căn cứ vào Hợp đồng tín dụng Nguyên tắc số HD 2111/HĐNT ngày 09 tháng 12 năm 2011.

Do có sự nhầm lẫn chưa điều chỉnh lại nên Hợp đồng thế chấp ghi: Nếu chưa đủ để trả nợ cho bên nhận thế chấp thì bên thế chấp vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho bên nhận thế chấp. Hợp đồng ghi như trên là không đúng theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc, theo như hợp đồng tín dụng nguyên tắc và trên thực tế phải là bên vay vốn tức là ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H và ông D, bà H phải là người trả nợ khi số tiền phát mại tài sản bảo đảm chưa đủ để trả nợ.

Ngân hàng TH mại cổ phần KL đề nghị Tòa án:

- Buộc ông D, bà H phải thanh toán nợ cho Ngân hàng KL số tiền tạm tính đề ngày 24/8/2023 là 1.721.811.333 đồng, trong đó: nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 35.801.333 đồng; lãi quá Hn: 1.286.010.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng KL. Số tiền pHt chậm trả mà ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H đã trả được cho Ngân hàng 617.646 đồng thì Ngân hàng sẽ trả lại cho ông D, bà H số tiền này và số tiền này được trừ vào lãi quá Hn.

- Trường hợp Tòa án chấp thuận yêu cầu nêu trên của Ngân hàng KL, sau khi bản án có hiệu lực ông D, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp đã nêu trên.

- Ngân hàng rút yêu cầu về việc buộc ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải trả số tiền pHt chậm trả lãi (tính đến ngày 24/8/2023 là **142.155.345 đồng**).

Ngân hàng đã nhận được thông báo yêu cầu cung cấp chứng số 18/TB-TA ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên. Việc ông D khai số tiền trả nợ

lãi không phải là do ông D trả vì ông D vay nợ hộ cho ông Nguyễn Đức M – Nguyên Giám đốc ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Hải Phòng. Không có quy định nào quy định là phải chính người vay phải là người trả nợ mà ai trả nợ cũng được, theo hoạt động tài khoản thể hiện 06 lần ông Nguyễn Văn D là người trả nợ, 1 lần là ông Nguyễn Cao C và 1 lần là ông Lưu Quang Anh.

Do ông Nguyễn Đức M khai không có liên quan đến khoản nợ trên. Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của ông D là buộc ông Nguyễn Đức M phải trả nợ thay cho ngân hàng.

Đối với chi phí thẩm định và chi phí đăng báo, đài, công thông tin điện tử: Ngân hàng chịu toàn bộ chi phí này và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong bản án, quyết định.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án – bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông Nguyễn Văn D thừa nhận vợ chồng ông (Nguyễn Văn D và vợ là Trần Thị H) có vay nợ ngân hàng TMCP KL với số tiền như Ngân hàng TMCP KL vừa trình bày ở trên. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trong hồ sơ vay nợ mà Ngân hàng TMCP KL đã cung cấp cho Tòa án như trên là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông. Tuy nhiên khoản vay nợ này do vợ chồng ông đứng giấy tờ để vay hộ tiền cho ông Nguyễn Đức M, nguyên giám đốc Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Hải Phòng. Địa chỉ của ông M hiện nay đang ở: Số 335 Dương Tự Minh, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Ông không biết việc ai là người trả nợ lãi hàng tháng cho Ngân hàng vì ông không phải là người được nhận tiền vay. Ông đề nghị Ngân hàng sao kê số tiền trả nợ lãi để xác định được người đã trả nợ khoản vay ông đứng tên. Ông không còn khả năng trả nợ. Ông đề nghị Tòa án đưa ông Nguyễn Đức M tham gia tố tụng và ông M phải là người trả nợ. Ông không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện việc ông đứng vay hộ ông M, do quan hệ bạn bè nên vợ chồng ông đã đồng ý ký trên giấy tờ đứng vay hộ ông M.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Cao C:

Ông Nguyễn Cao C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xác minh tại địa pH và theo lời khai của ông Nguyễn Văn Giup, bà Trần Thị Như – bố mẹ ông Nguyễn Cao C thể hiện: Ông Nguyễn Cao C vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thắng Lợi (trước là An Lợi), xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, ông Nguyễn Cao C không có mặt ở địa pH, ông C đi làm ở miền nam, không biết địa chỉ. Ông C liên quan về cho gia đình qua điện thoại, văn bản tố tụng của Tòa án ông Giup, bà Như đã nhận và thông tin qua điện thoại cho ông C.

Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng và thông báo trên pH tiện thông tin đại chúng đối với ông Nguyễn Cao C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Lưu Văn K và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vợ chồng ông bà có một chiếc xe ô tô như Ngân hàng trình bày nêu trên là đúng. Năm 2011, vợ chồng ông bà đã bán chiếc xe này. Khi bán chiếc xe này vợ chồng ông bà không làm hợp đồng mua bán mà làm hợp đồng ủy quyền. Vợ chồng ông bà ủy quyền toàn bộ cho người được ủy quyền ông Nguyễn Cao C có toàn quyền quyết định đối với chiếc xe ô tô trên. Vợ chồng ông bà không còn liên quan gì đến chiếc xe ô tô nêu trên. Vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án phát mại chiếc xe ô tô trên theo quy định luật. Trường hợp phát mại chiếc xe ô tô nêu sau khi trừ đi khoản nợ mà ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải trả còn thừa thì vợ chồng ông bà không nhận mà trả cho ông Nguyễn Cao C, không đề nghị được ưu tiên mua xe này vì vợ chồng ông bà không liên quan.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Đức M trình bày:

Ông không đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn D, ông không đồng ý trả nợ. Hiện tại, ông không biết chiếc xe ô tô trên đang ở đâu.

Đối với tài sản thế chấp: Chiếc xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Honda Accord 2.4, sản xuất năm 2011; màu sơn: Nâu; số khung: RKTCP2630BF010269; số máy: K24Z24990267, biển kiểm soát: 15A-031.19 do Công an thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 16/8/2011.

- Theo phiếu trả lời xác minh pH tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông – đường bộ đường sắt, Công an thành phố Hải Phòng xác định: Chủ xe mang tên Lưu Văn K, tình trạng đang lưu hành.

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Ngày 16/5/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô nhưng không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được với lý không có xe ô tô mặc dù Tòa án đã ra thông báo yêu cầu ông Lưu Văn K, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Cao C mang chiếc ô tô nêu trên đến Trụ sở UBND xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên để Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn là Ngân hàng

TH mại cổ phần KL đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tổ tụng dân sự; bị đơn là ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H, toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

- Về điều luật áp dụng: Kiểm sát viên đề nghị Tòa án:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Căn cứ các điều 122, 123, 124, 290, 471, 474, 323, 343, 351, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TH mại cổ phần KL, buộc ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TH mại cổ phần KL số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi trong Hn, số tiền nợ lãi quá Hn, tính đến ngày xét xử và và tiền lãi phát sinh từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TH mại cổ phần KL. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng TH mại cổ phần KL buộc ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải trả số tiền pHt chậm trả lãi. Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đề nghị phát mại tài thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 được ký giữa Ngân hàng TH mại cổ phần KL và ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H thể hiện: Mục đích sử dụng vay tiền: Thanh toán tiền mua máy xúc đào theo Hợp đồng kinh tế số 10-12/MX-TD ngày 10/12/2011. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể số 02F8004982 thể hiện ông Nguyễn Văn D kinh doanh máy công trình (máy xúc, máy gặt, máy nu). Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp kinh doanh

TH mại. Bị đơn là ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại xóm 5, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; bị đơn chị Trần Thị H có nơi cư trú tại số 33/212 Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao C, ông Lưu Văn K, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức M đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, trong đó ông Lưu Văn K, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đức M xin vắng mặt; bà Trần Thị H đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D; ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Cao C vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

- Về nội dung:

[3] Xét hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 được ký giữa Ngân hàng TH mại cổ phần KL và ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H.

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 được ký giữa Ngân hàng TH mại cổ phần KL và ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H là tự nguyện, có nội dung, mục đích và hình thức phù hợp quy định tại các **điều 122, 123, 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng** và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng TH mại cổ phần KL đã giải ngân đủ số tiền vay là 400.000.000 đồng theo hình thức nhận tiền mặt cho ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H.

[3.2] Ông Nguyễn Văn D thừa nhận vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TH mại cổ phần KL, mục đích vay tiền là vay hộ cho ông Nguyễn Đức M, nguyên giám đốc Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Hải Phòng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đức M không thừa nhận việc vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H vay hộ tiền ông. Mặt khác, ông Nguyễn Văn D không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H vay hộ ông Nguyễn Đức M khoản tiền nêu trên theo hợp đồng tín dụng. Mặt khác, Ngân hàng TMCP KL có ý kiến: Nếu ông Nguyễn Đức M nhận trả ngay toàn bộ số nợ thì Ngân hàng TMCP KL đồng ý, nhưng ông Nguyễn Đức M không đồng ý nên Ngân hàng TMCP KL yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải trả khoản nợ trên. Như vậy, việc ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H vay hộ ông

Nguyễn Đức M là quan hệ dân sự độc lập giữa ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H với ông Nguyễn Đức M, không liên quan đến vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn D về việc buộc ông Nguyễn Đức M phải trả nợ Ngân hàng TMCP KL.

[3.3] Bị đơn là ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, do đó Ngân hàng TH mại cổ phần KL yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải trả số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 là có căn cứ. Vì vậy căn cứ vào các **điều 290, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005**; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TH mại cổ phần KL, buộc ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TH mại cổ phần KL số tiền nợ tính đến **ngày 24 tháng 8 năm 2023** là 1.721.811.333 đồng, trong đó: nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 35.801.333 đồng; lãi quá Hn: 1.286.010.000 đồng. Ngân hàng TMCP KL đồng ý trừ cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H số tiền 617.646 đồng là số tiền pHt chậm trả lãi mà ông D, bà H đã trả cho Ngân hàng, vào số tiền lãi quá Hn. Như vậy, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TH mại cổ phần KL số tiền nợ tính đến **ngày 24 tháng 8 năm 2023** là 1.721.193.687 đồng, trong đó: nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 35.801.333 đồng; lãi quá Hn: 1.285.392.354 đồng.

[3.4] Ngân hàng TMCP KL rút yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải trả số tiền pHt chậm trả lãi. Việc rút yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được chấp nhận nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng TMCP KL.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 được ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng TH mại cổ phần KL.

[4.1] Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 được ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng TH mại cổ phần KL là hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp được đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các **điều 323, 343** của Bộ luật Dân sự năm 2005 và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC;

Quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp. Toà án không tiến hành được việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Tuy nhiên, Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng khẳng định tài sản thế chấp là xe ô tô con, nhãn hiệu Honda, số loại Accord, màu sơn nâu, số máy K24Z24990267, số khung RKTCP2630BF010269, biển số 15A-031.19 vẫn đăng ký chủ sở hữu là ông Lưu Văn K.

[4.2] Tại khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL với ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H thể hiện: “Một phần tài sản trên cũng được bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số HD2112 ngày 12/12/2011”. Theo nguyên đơn – Ngân hàng TMCP KL trình bày và cung cấp tài liệu xác định: Hợp đồng tín dụng số HD2112 ngày 12/12/2011 người vay là ông Nguyễn Văn D và đã được tất toán ngày 06/9/2012. Như vậy, chiếc ô tô là chỉ còn là tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 được ký giữa Ngân hàng TH mại cổ phần KL và ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H. Mặt khác, theo Công văn số 241/CĐKGDBĐ-CCTT ngày 20/4/2023 Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cung cấp thông tin xác định: Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC; Quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 được ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng TH mại cổ phần KL được đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu.

[4.3] Vì vậy trường hợp ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TH mại cổ phần KL có quyền Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại các điều 325, 351, 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4.4] Tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC.2011, Quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 quy định: “Tổng số tiền thu từ xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ chi phí xử lý, sẽ dùng để trả nợ cho bên nhận thế chấp. Nếu còn dư bên nhận thế chấp sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu chưa đủ để trả nợ cho bên nhận thế chấp thì bên thế chấp vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho bên nhận thế chấp”.

[4.5] Tuy nhiên, theo tiêu mục 3 mục B Điều 11 của Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số HD2111/HĐNT ngày 09/12/2011 có quy định: “Nếu tiền bán tài sản lớn hơn nợ (gốc và lãi) phải trả cho Bên B/Bên nhận thế chấp thì phần chênh lệch thừa sẽ trả lại cho Bên A/Bên thế chấp. Nếu chênh lệch thiếu thì Bên A/Bên thế chấp

có trách nhiệm trả nợ cho Bên B tiếp cho đến hết gốc, lãi và các chi phí khác (nếu có)”.

[4.6] Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Theo như đại diện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP KL đã giải thích do có sự nhầm lẫn nên tại Hợp đồng thế chấp quy định: Nếu chưa đủ để trả nợ cho bên nhận thế chấp (Ngân hàng KL) thì bên thế chấp (ông Nguyễn Cao C) vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho bên nhận thế chấp. Quy định như trên là không đúng theo như hợp đồng tín dụng nguyên tắc, theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc, trên thực tế và theo quy định của pháp luật: Bên vay vốn tức là ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải là người trả nợ khi số tiền phát mại tài sản bảo đảm chưa đủ để trả nợ. Ngân hàng KL yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải tiếp tục trả tiền nếu như số tiền phát mại tài sản bảo đảm chưa đủ trả nợ.

[4.7] Mặt khác, theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc xác định Bên A là bên vay vốn, Bên B là Ngân hàng TH mại cổ phần KL, Bên thế chấp tài là là Bên C. Theo Ngân hàng KL do có sự nhầm lẫn nên theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc ghi tại tiêu mục 3 mục B Điều 11 là: “Bên A/Bên thế chấp” là không đúng mà phải là “Bên A/Bên vay vốn”.

[4.8] Hợp đồng tín dụng nguyên tắc và Hợp đồng thế chấp đều được ký giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Cao C với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Hải Phòng và bên vay vốn là ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H. Hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở căn cứ vào Hợp đồng tín dụng Nguyên tắc số HD 2111/HĐNT ngày 09 tháng 12 năm 2011. Do vậy, cần xác định Hợp đồng thế chấp không được trái với Hợp đồng tín dụng nguyên tắc.

[4.9] Theo quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp”. Đối chiếu với quy định pháp luật thì ông Nguyễn Cao C chỉ ký Hợp đồng thế chấp dùng tài sản chiếc xe ô tô thế chấp cho Ngân hàng, không ký kết hợp đồng bảo lãnh nào nên ông Nguyễn Cao C chỉ có nghĩa vụ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với Ngân hàng trong phạm vi giá trị chiếc xe ô tô, mà không phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nếu việc phát mại tài sản không đủ để trả nợ.

[4.10] Tại điểm c khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL với ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H quy định về nghĩa vụ của bên vay vốn (Bên A – Ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H): Sử dụng tiền vay đúng mục đích, hoàn trả vốn vay và lãi tiền vay theo Hợp đồng này. Tại Hợp đồng tín dụng quy định tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H là chiếc xe ô tô con theo hợp đồng thế chấp nêu trên, không

quy định liên quan đến bảo lãnh trả nợ thay giữa ông Nguyễn Cao C cho Ngân hàng TMCP KL khi tài sản thế chấp phát mại không đủ để trả nợ.

[4.11] Ngoài ra, người vay vốn và nhận tiền của Ngân hàng là ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H.

[4.12] Từ phân tích nêu trên, để đảm bảo lẽ công bằng và đối chiếu với Điều 126, Điều 409 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về giải thích hợp đồng dân sự, cần xác định nếu sau khi phát mại tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải là người tiếp tục trả khoản nợ cho Ngân hàng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TH mại cổ phần KL được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải chịu 63.635.811 đồng án phí dân sự sơ thẩm $((1.721.193.687 - 800.000.000) \times 3\% + 36.000.000)$. Trả lại Ngân hàng TH mại cổ phần KL số tiền tạm ứng án phí 32.107.700 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008497 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[6] Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đăng báo, đài, công thông tin điện tử: Ngân hàng TMCP KL tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 122, 123, 124, 126, 290, 471, 474, 323, 325, 343, 351, 355, 409 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TH mại cổ phần KL, buộc ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TH mại cổ phần KL số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HD2114/HĐTD ngày 22/12/2011 tính đến

hết ngày 24 tháng 8 năm 2023 là 1.721.193.687 đồng, trong đó: nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 35.801.333 đồng; lãi quá Hn: 1.285.392.354 đồng.

Kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TH mại cổ phần KL có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Honda Accord 2.4, sản xuất năm 2011; màu sơn: Nâu; số khung: RKTCP2630BF010269; số máy: K24Z24990267, biển kiểm soát: 15A-031.19 do Công an thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 16/8/2011 cho chủ xe là ông Lưu Văn K theo Hợp đồng thế chấp ngày 10/12/2011 ký giữa ông Nguyễn Cao C và Ngân hàng KL thế chấp tài sản trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Hải, thành phố Hải Phòng, số công chứng 001877/HĐTC; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền có được từ việc phát mại tài sản thế chấp sau khi thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TH mại cổ phần KL thì số tiền còn thừa phải được trả lại cho bên thế chấp là ông Nguyễn Cao C. Trường hợp số tiền có được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TH mại cổ phần KL thì ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TH mại cổ phần KL.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL buộc ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải trả số tiền pHt chậm trả lãi.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H phải chịu phải chịu 63.635.811 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TH mại cổ phần KL số tiền tạm ứng án phí 32.107.700 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008497 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời Hn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời Hn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Hùng Bùi Đức Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh

Bùi Thuý Mỡ

Nguyễn Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền